

Số: 1206/TB-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2025

Trường Đại học Kinh tế - Luật thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2025 tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. NGÀNH TUYỂN SINH VÀ CHỈ TIÊU DỰ KIẾN

STT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Kinh tế học	9310101	6
2	Kinh tế chính trị	9310102	3
3	Quản trị kinh doanh	9340101	10
4	Tài chính - Ngân hàng	9340201	6
5	Luật dân sự và tố tụng dân sự	9380101	7

2. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 03 năm

3. PHƯƠNG THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển đánh giá hồ sơ và kết hợp phỏng vấn người dự tuyển (phụ lục I).

3.2. Đối tượng dự tuyển: là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đạt điều kiện dự tuyển theo quy định.

3.3. Điều kiện dự tuyển:

Người dự tuyển trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ, người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển trình độ tiến sĩ, hoặc người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công

tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các CSĐT, tổ chức khoa học và công nghệ.

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

Điều kiện ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II Thông tư số 18/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ. Chứng chỉ còn hiệu lực tính đến ngày tổ chức xét tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Trường Đại học Kinh tế - Luật quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Đối với người dự tuyển là người Việt Nam tốt nghiệp tại các CSĐT nước ngoài, văn bằng và bảng điểm do CSĐT nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo khi nộp hồ sơ dự tuyển.

Thông tin liên hệ Trung tâm Công nhận văn bằng, Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo

Địa chỉ: Nhà 8C, ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024 38683359; 024 38683359

Email: cnvb@moet.edu.vn

Website: naric.edu.vn

d) Trường hợp miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học được công nhận để sử dụng tại Việt Nam được thực hiện theo Điều 5, Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy

định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.

4. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO DỰ KIẾN

TT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Phát hành và nhận hồ sơ tuyển sinh trực tuyến	9/2025 – 20/10/2025
2	Người dự tuyển nhận giấy báo	05/11/2025
3	Bảo vệ đề cương	15/11/2025
4	Công bố kết quả tuyển sinh và quyết định trúng tuyển	Tháng 12/2025
5	Ứng viên nhận giấy báo trúng tuyển	Tháng 12/2025
6	Thực hiện thủ tục nhập học	Tháng 12/2025
7	Công nhận chính thức	Tháng 12/2025
8	Lễ khai giảng và sinh hoạt đầu khóa	Tháng 01/2025

5. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ LIÊN QUAN

Lệ phí đăng ký xét tuyển: 950.000đ

Mức thu học phí đào tạo

STT	Ngành	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028
1	Kinh tế học	54.800.000đ	60.000.000đ	66.000.000đ
2	Kinh tế chính trị			
3	Quản trị kinh doanh			
4	Tài chính - Ngân hàng			
5	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	62.300.000đ	69.000.000đ	75.900.000đ

6. DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP: Phụ lục III

7. DANH MỤC HỒ SƠ DỰ TUYỂN (*)

STT	Danh mục hồ sơ xét tuyển	Ghi chú
1	Phiếu đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh (<i>Mẫu TS-01</i>) Khai báo trực tuyến tại: http://dkxtsdh.uel.edu.vn	Khai báo trực tuyến (*) và đăng tải hồ sơ
2	Bằng tốt nghiệp đại học kèm bảng điểm	Đăng tải hồ sơ
3	Bằng tốt nghiệp thạc sĩ kèm bảng điểm	Đăng tải hồ sơ
4	Mình chứng về văn bằng, chứng chỉ trình độ ngoại ngữ	Đăng tải hồ sơ
5	Lý lịch khoa học (<i>Mẫu TS-02</i>)	Đăng tải hồ sơ
6	Đề cương dự tuyển (<i>Mẫu TS-05</i>)	Đăng tải hồ sơ
7	Một trong ba điều kiện sau: 1. Mình chứng công trình nghiên cứu khoa học (<i>bài báo, bài đăng kỷ yếu hội thảo khoa học: Có trang bìa, nội dung bài, trang mục lục có thông tin ISSN, ISBN</i>); 2. Mình chứng người dự tuyển có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của	Đăng tải hồ sơ

STT	Danh mục hồ sơ xét tuyển	Ghi chú
	các CSĐT, tổ chức khoa học và công nghệ (<i>Xác nhận của cơ quan công tác, hợp đồng lao động</i>) 3. Minh chứng luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu.	
8	Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học cùng lĩnh vực ngành đăng ký dự tuyển (<i>Mẫu TS-03</i>)	Đăng tải hồ sơ
9	Giấy đồng ý của cán bộ hướng dẫn khoa học (<i>Mẫu TS-04</i>)	Đăng tải hồ sơ
10	Lý lịch khoa học người đồng ý hướng dẫn (áp dụng đối với người hướng dẫn ngoài cơ sở đào tạo)	Đăng tải hồ sơ
11	Ảnh dự tuyển (3x4cm) chuẩn passport	Đăng tải hồ sơ
12	Căn cước công dân	Đăng tải hồ sơ
(*) Người dự tuyển cam kết chịu trách nhiệm đối với hồ sơ khai báo trực tuyến trên hệ thống và nộp bản cứng sau khi trúng tuyển theo đúng quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật. Trường không hoàn trả khoản thu dịch vụ tuyển sinh, lệ phí xét tuyển liên quan đến hồ sơ xét tuyển không hợp lệ hoặc không đầy đủ theo quy định.		

8. ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC TUYỂN SINH

Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 669 Đỗ Mười, khu phố 13, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. ĐỊA ĐIỂM HỌC VÀ THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa điểm 1: Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 669 Đỗ Mười, khu phố 13, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa điểm 2: Văn phòng Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại tuyển sinh: **028 88899909**

Website: <https://tuyensinh.uel.edu.vn/>

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM (để b/c);
- Các Khoa đào tạo sau đại học (để th/t);
- Phòng Tài chính, Truyền thông (để ph/h);
- Đăng tải trên website (để th/t);
- Lưu: VT, P.SĐH&KH-CN (QN, 05).

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

PHỤ LỤC I
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NGƯỜI DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
THEO HÌNH THỨC XÉT TUYỂN

I. ĐÁNH GIÁ QUA HỒ SƠ DỰ TUYỂN

1. Kết quả học tập ở bậc đại học, thạc sĩ

- Sự phù hợp của ngành học của người dự tuyển ở trình độ đại học, thạc sĩ với ngành ứng tuyển ở trình độ tiến sĩ.
- Loại hình đào tạo chính quy hay vừa làm vừa học/văn bằng 2, từ xa.
- Xếp hạng của CSĐT người dự tuyển tốt nghiệp ở trình độ đại học; CSĐT, ngành học của người dự tuyển ở trình độ đại học đã được kiểm định trong nước, quốc tế ở cấp độ CSĐT hoặc cấp độ chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy của người dự tuyển; Điểm trung bình tích lũy của người dự tuyển trong giai đoạn chuyên ngành; Điểm trung bình của các môn học cốt lõi ngành, các môn học chuyên ngành quan trọng, có liên hệ với ngành ứng tuyển.
- Luận văn, đề tài đồ án tốt nghiệp của người dự tuyển, số tín chỉ và điểm tổng kết luận văn, đồ án tốt nghiệp của người dự tuyển.

2. Thành tích nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm chuyên môn

Tiểu ban chuyên môn (TBCM) đánh giá khả năng tự tìm tòi, nghiên cứu độc lập, năng lực sáng tạo của người dự tuyển. Việc đánh giá có thể được thực hiện qua chủ đề luận văn/đề án tốt nghiệp của người dự tuyển, các công trình nghiên cứu, các dự án mà người dự tuyển đã thực hiện trong quá trình học tập và công tác; các giải thưởng nghiên cứu khoa học cấp Bộ và tương đương trở lên hoặc các bài báo khoa học đã được đăng trên Tạp chí khoa học, Tuyển tập công trình hội nghị khoa học (có phản biện) thuộc lĩnh vực chuyên ngành đăng ký đào tạo.

3. Trình độ ngoại ngữ:

- Tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và trong nước/văn bằng tốt nghiệp tại các CSĐT.
- Điểm số chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp.

4. Ý kiến đánh giá và ủng hộ trong thư giới thiệu

- Thư giới thiệu có cấu trúc chặt chẽ, độ dài phù hợp (không quá ngắn).
- Thư giới thiệu mô tả rõ mối quan hệ (thời gian, sự sâu sắc của mối quan hệ) giữa người viết thư giới thiệu và người dự tuyển.
- Tính chi tiết, cụ thể và có tính lượng hóa (ví dụ, nằm trong top 5%, 10%,...) của thông tin cung cấp trong thư giới thiệu về khả năng của người dự tuyển.
- Các thông tin (ví dụ: điểm mạnh, điểm yếu) của người dự tuyển được minh họa qua các ví dụ cụ thể thay vì chỉ là các nhận xét chung.
- Thư có chữ ký xác nhận và danh tính cụ thể của người viết thư giới thiệu.

5. Đề cương/bài luận nghiên cứu

- Sự chặt chẽ, xúc tích trong cấu trúc bài luận, số lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp của bài luận.
- Bài luận có tính cá nhân cao, đề cập các nội dung liên quan trực tiếp đến người dự tuyển.
- Sự rõ ràng của mục đích học tập, lý do chọn ngành học trong bài luận cá nhân; mục tiêu nghề nghiệp ngắn hạn và dài hạn sau khi tốt nghiệp.
- Bài luận cá nhân có mô tả về các kỹ năng nổi bật, kinh nghiệm trong công việc và các thành công đáng kể trong quá trình học tập, làm việc của người dự tuyển; các hoạt động đóng góp cho cộng đồng, xã hội.
- Nội dung khoa học: Lý do nghiên cứu, đặt vấn đề; Tổng quan lý thuyết và các công trình nghiên cứu có liên quan; Mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu; Đối tượng và phạm vi nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu; Điểm mới dự kiến của luận án.

II. ĐÁNH GIÁ QUA PHỎNG VẤN XÉT TUYỂN

Khả năng trình bày, diễn đạt, nắm vững các nội dung trong Đề cương/bài luận nghiên cứu.

Nội dung trả lời của người dự tuyển về kiến thức chuyên môn: TBCM đặt các câu hỏi chuyên môn cho người dự tuyển và đánh giá nội dung trả lời của người dự tuyển.

Những tư chất cần có của NCS (kỹ năng nghiên cứu, sáng tạo, phân tích vấn đề, phối hợp nghiên cứu...), thông qua một số nội dung:

+ Lý lịch của người dự tuyển: Các thành tích, giải thưởng trong quá trình học tập, công tác của người dự tuyển; Năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý của người dự tuyển qua số năm công tác, vị trí chuyên môn đảm nhận, các dự án mà người dự tuyển đã tham gia thực hiện; Kỹ năng và kiến thức của người dự tuyển thể hiện qua các chứng chỉ nghề nghiệp, chứng chỉ ngoại ngữ mà người dự tuyển đã tham gia đào tạo và đạt được; Sự năng động của người dự tuyển qua các hoạt động đóng góp cho cộng đồng, xã hội.

+ Kỹ năng, kinh nghiệm: các kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, ngoại ngữ, làm việc nhóm, quan sát và phân tích, thích ứng với sự thay đổi; kinh nghiệm công tác, quản lý,... Thái độ: tư duy tích cực, tự tin, kỷ luật, chính trực, hợp tác trong công tác,...;

+ Đánh giá khả năng tự tìm tòi, nghiên cứu độc lập, năng lực sáng tạo của người dự tuyển qua các câu hỏi về các nội dung thực hiện trong luận văn/đồ án tốt nghiệp của người dự tuyển, các công trình nghiên cứu, các dự án mà người dự tuyển đã thực hiện trong quá trình học tập và công tác.

PHỤ LỤC II
VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Các chứng chỉ được công nhân ngoại ngữ đầu vào trình độ thạc sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam có thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày tổ chức xét tuyển, được cấp bởi cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

1. Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL	B2
		Pearson Test of English Academic (PTE Academic) Cấp từ 30/8/2024	59-75
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên

Cơ sở tổ chức thi và cấp chứng chỉ: căn cứ theo Điều 5, Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/07/2022 danh sách các đơn vị được phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

Danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được Cục Quản lý chất lượng Bộ GD-ĐT cập nhật tại website: <https://vqa.moet.gov.vn/vi/thong-bao-quan-ly-khao-thi/thong-bao/>

Chứng chỉ cần đảm bảo đúng theo mẫu chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 5023/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



**CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ**

26 cm

Mặt sau

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence – Freedom – Happiness CERTIFICATE OF PROFICIENCY IN(1) Level:.....(2)(3) This is to certify that Full name(4)..... Date of birth(5)..... Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based on the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam Date of Exam(6)..... Overall Score(7)..... Listening:(8)..... Reading:(8)..... Speaking:(8)..... Writing:(8)..... (9)..... Decision number:(11)..... Certificate number:(12)..... Reference number:(13).....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ Ngôn ngữ:(1) Bậc:..... (2)(3) Cấp cho Họ và tên(4)..... Ngày sinh(5)..... Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam Ngày thi(6)..... Điểm thi(7)..... Nghe:(8)..... Đọc:(8)..... Nói:(8)..... Viết:(8)..... (9)..... ngày tháng năm.... (Ký, đóng dấu)(10)..... Số Quyết định:(11)..... Số hiệu:(12)..... Số vào sổ cấp chứng chỉ:(13).....
---	---

26 cm

Mặt sau

PHỤ LỤC III

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VÀ MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

Căn cứ thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học. Danh mục ngành phù hợp dự tuyển tại Trường Đại học Kinh tế - Luật như sau:

Ngành trình độ tiền sĩ	Ngành tốt nghiệp trình độ thạc sĩ phù hợp	Danh mục ngành cần bổ sung kiến thức	Môn học bổ sung kiến thức
- Kinh tế chính trị - Kinh tế học	Bao gồm các ngành học 8310101 Kinh tế học 8310102 Kinh tế chính trị 8310104 Kinh tế đầu tư 8310105 Kinh tế phát triển 8310106 Kinh tế quốc tế 8310107 Thống kê kinh tế 8310108 Toán kinh tế 8310110 Quản lý kinh tế	Bao gồm các nhóm ngành: 83102 Khoa học chính trị 83401 Kinh doanh 83402 Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm 83403 Kế toán - Kiểm toán 83404 Quản trị - Quản lý 85106 Quản lý công nghiệp Và các ngành: 8580301 Kinh tế xây dựng 8460108 Khoa học dữ liệu 8460201 Thống kê 8460112 Toán ứng dụng 8620115 Kinh tế nông nghiệp 8620116 Phát triển nông thôn	1. Kinh tế vi mô nâng cao 2. Kinh tế vĩ mô nâng cao 3. Kinh tế phát triển nâng cao 4. Kinh tế đổi mới sáng tạo 5. Kinh tế chính trị nâng cao

Ngành trình độ tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp trình độ thạc sĩ phù hợp	Danh mục ngành cần bổ sung kiến thức	Môn học bổ sung kiến thức
- Quản trị kinh doanh	Bao gồm các nhóm ngành: 83101 Kinh tế học 83401 Kinh doanh 83402 Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm 83403 Kế toán - Kiểm toán 83404 Quản trị - Quản lý	Bao gồm các nhóm ngành: 83102 Khoa học chính trị 83103 Xã hội học và Nhân học 83104 Tâm lý học 83105 Địa lý học 83106 Khu vực học 85106 Quản lý công nghiệp 85803 Quản lý xây dựng 87208 Quản lý y tế 88101 Du lịch 88501 Quản lý tài nguyên và môi trường Và các ngành: 8229042 Quản lý văn hóa 8480204 Quản lý công nghệ thông tin 8480205 Quản lý hệ thống thông tin 8580106 Quản lý đô thị và công trình 8620115 Kinh tế nông nghiệp 8620116 Phát triển nông thôn 8620211 Quản lý tài nguyên rừng 8620305 Quản lý thủy sản 8720212 Tổ chức quản lý dược 8810301 Quản lý thể dục thể thao	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Nghệ thuật lãnh đạo 3. Văn hóa tổ chức 4. Quản trị tài năng 5. Quản trị chiến lược và đổi mới

Ngành trình độ tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp trình độ thạc sĩ phù hợp	Danh mục ngành cần bổ sung kiến thức	Môn học bổ sung kiến thức
- Tài chính – Ngân hàng	Bao gồm các nhóm ngành: 83101 Kinh tế 83102 Khoa học chính trị 83401 Kinh doanh 83402 Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm 83403 Kế toán - Kiểm toán 83404 Quản trị - Quản lý	Bao gồm các nhóm ngành: 83103 Xã hội học và Nhân học 85106 Quản lý công nghiệp 85803 Quản lý xây dựng 87208 Quản lý y tế Và các ngành: 8229042 Quản lý văn hóa 8580106 Quản lý đô thị và công trình 8620115 Kinh tế nông nghiệp 8620116 Phát triển nông thôn 8620305 Quản lý thủy sản 8720212 Tổ chức quản lý dược 8460106 Lý thuyết xác suất và thống kê toán học 8460107 Khoa học tính toán 8460108 Khoa học dữ liệu 8460112 Toán ứng dụng 8460201 Thống kê 8480102 Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu 8480107 Trí tuệ nhân tạo 8480205 Quản lý Hệ thống thông tin	1. Các chuyên đề về tài chính công đương đại 2. Các chuyên đề về Quản trị tài chính đương đại 3. Quản trị ngân hàng thương mại trong kỷ nguyên số 4. Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư 5. Chuyên đề về Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại đương đại 6. Các mô hình tài chính

Ngành trình độ tiến sĩ	Ngành tốt nghiệp trình độ thạc sĩ phù hợp	Danh mục ngành cần bổ sung kiến thức	Môn học bổ sung kiến thức
- Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380107 Luật dân sự và tố tụng dân sự.	8380101 Luật 8380107 Luật kinh tế 8380108 Luật quốc tế 8380102 Luật hiến pháp và luật hành chính 8380104 Luật hình sự và tố tụng hình sự 8380105 Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm 8380106 Lý luận và lịch sử Nhà nước và Pháp luật.	1. Pháp luật về chủ thể quan hệ pháp luật dân sự 2. Pháp luật về tài sản và thừa kế 3. Pháp luật về tố tụng dân sự.